BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA VIỆT NAM

Số : 920 /QĐ-CĐTNĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố tiêu chuẩn cơ sở
CỤC TRƯỞNG CỤC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA VIỆT NAM

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-Cp ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư 21/2007/TT-BKHCN ngày 28/9/2007, Thông tư 29/2011/TT-BKHCN ngày 25/11/2011 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn;

Căn cứ Quyết định 39/QĐ-BGTVT ngày 08/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;

Căn cứ Thông báo số 108/TB-BGTVT ngày 11/3/2016 của Bộ Giao thông vận tải về việc thông báo kết quả cuộc họp xem xét nội dung Dự thảo tiêu chuẩn "Rà quét luồng, vật chướng ngại trên luồng đường thủy nội địa"

Theo đề nghị của Trưởng Phòng KHCN-HTQT&MT.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố các Tiêu chuẩn cơ sở sau đây:

TCCS 02:2020/CĐTNĐ	Rà quét luồng, vật chướng ngại trên đường thủy nội địa

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng các phòng cơ quan Cục và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Cục trưởng (để b/c);
- Bộ GTVT (Vụ KHCN);
- Các Phó Cục trưởng;
- Lưu VT, KHCN-HTQT&MT.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA VIỆT NAM

Lê Minh Đạo

TCCS

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

TCCS 02 : 2020/CĐTNĐ

Xuất bản lần 1

RÀ QUÉT LUỒNG, VẬT CHƯỚNG NGẠI TRÊN ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

HÀ NỘI – 2020

MỤC LỤC

Trang

1. Phạm vi áp dụng 3

2. Tài liệu viện dẫn 3

3. Thuật ngữ và định nghĩa 3

3.8. Rà mềm là dùng dây mềm để rà vật chướng ngại. 3

4. Ký hiệu và thuật ngữ viết tắt 3

5. Quy định về khảo sát luồng, vật chướng ngại 4

5.1. Lập đề cương phạm vi khảo sát rà quét luồng, vật chướng ngại 4

5.2. Công tác nội nghiệp 4

5.3. Yêu cầu kỹ thuật đối với bình đồ, bản vẽ khảo sát luồng, vật chướng ngại 4

6. Quy định kỹ thuật trong hồ sơ rà quét luồng, vật chướng ngại 5

6.1. Lập nhiệm vụ, phương án kỹ thuật 5

6.2. Thuyết minh thiết kế - kỹ thuật thi công 6

7. Quy định về thi công rà quét luồng, vật chướng ngại 7

7.1. Tổ chức thi công rà quét luồng, vật chướng ngại 7

7.2. Yêu cầu về phương tiện, thiết bị tham gia thi công rà quét luồng, vật chướng ngại 8

7.3. Yêu cầu kỹ thuật trong quá trình thi công 8

7.4. Yêu cầu an toàn thi công và bảo vệ môi trường 10

8. Quy định về giám sát thi công 11

8.1 Giám sát thi công rà quét luồng, vật chướng ngại 11

8.2. Kiểm tra chất lượng thi công 11

8.3 Giám sát thực hiện phương án đảm bảo giao thông 12

9. Quy định về nghiệm thu 12

9.2. Nội dung nghiệm thu 12

9.2. Thành phần, trình tự và tổ chức nghiệm thu 12

10. Quy định kiểm tra luồng, vật chướng ngại sau khi hoàn thành bàn giao... 13

Lời nói đầu

TCCS 02 : 2020/CĐTNĐ **"Rà quét luồng, vật chướng ngại trên đường thủy nội địa"** do Cục Đường thủy nội địa Việt Nam biên soạn, Bộ Giao thông vận tải thẩm định, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam công bố.

1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này được áp dụng cho công tác quản lý, xây dựng, cải tạo, khai thác đường thủy nội địa và các công tác khác có liên quan đến giao thông đường thủy nội địa.

2 Tài liệu viện dẫn

TCVN 5664 Phân cấp kỹ thuật đường thủy nội địa.

3 Thuật ngữ và định nghĩa

Các thuật ngữ trong tiêu chuẩn này được hiểu như sau:

3.1 Rà quét luồng, vật chướng ngại là sử dụng phương tiện, thiết bị rà quét để xác định chiều dài, chiều rộng, chiều sâu, các vật chướng ngại trên luồng, hành lang bảo vệ luồng đường thủy nội địa.

3.2 Vật chướng ngại là vật do thiên nhiên hoặc con người tạo ra, làm ảnh hưởng đến giao thông vận tải đường thủy nội địa.

3.3 Mực nước thiết kế là mực nước thấp để xác định chiều sâu, chiều rộng và bán kính cong của luồng chạy tàu .

3.4 Mực nước thi công là mực nước dùng để tính toán thiết kế phương án tổ chức thi công rà quét luồng, vật chướng ngại.

3.5 Khảo sát tổng thể gồm: đo, vẽ, lập bình đồ toàn bộ khu vực luồng, hành lang luồng chạy tàu, xác định vị trí vật chướng ngại, lựa chọn phương án thi công, bố trí mặt bằng thi công, lập phương án đảm bảo an toàn giao thông đường thủy nội địa trong quá trình thi công.

3.6 Khảo sát chi tiết là việc đo vẽ chi tiết vật chướng ngại nhằm xác định thông số cụ thể vật chướng ngại trên đoạn luồng như: vị trí, số lượng, kích thước.

3.7 Rà cứng là dùng khung cứng để rà vật chướng ngại.

3.8 Rà mềm là dùng dây mềm để rà vật chướng ngại.

3.9 Cửa sông là phạm vi của tuyến sông đổ ra biển được xác định từ km00+000 đến km10+000 (từ cửa sông về phía thượng lưu của sông).

4 Ký hiệu và thuật ngữ viết tắt

(H_{tk}): Mực nước thiết kế

(H_{tc}): Mực nước thi công

(hct): Chiều sâu chạy tàu

(T): Chiều sâu mớn nước của phương tiện thi công

(ΔT): Chiều sâu dự phòng khi thi công

(B_s) : Chiều rộng sông, kênh

(Z_{tk}): Cao độ đáy luồng thiết kế

(h_r) : Chiều sâu tối đa thiết bị rà cứng, rà mềm.

($B_đ$): Chiều rộng phạm vi đường rà quét.

5 Quy định về khảo sát, rà quét luồng, vật chướng ngại

5.1 Lập đề cương phạm vi khảo sát rà quét luồng, vật chướng ngại

Đề cương phạm vi khảo sát rà quét luồng, vật chướng ngại được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, nội dung đề cương khảo sát bao gồm:

a) Mục đích, nhiệm vụ của công việc khảo sát phạm vi rà quét luồng, vật chướng ngại;

b) Các tư liệu trắc địa, bình đồ khảo sát đã có; kết quả sơ khảo đường thủy nội địa (nếu có);

c) Phạm vi khảo sát gồm chiều dài, chiều rộng theo địa danh và kilômét đường thủy nội địa;

d) Thời gian hoàn thành;

đ) Số lượng hồ sơ giao nộp.

5.2 Công tác nội nghiệp

Tính toán, vẽ khảo sát sơ bộ, lập hồ sơ báo cáo. Từ đề cương khảo sát được phê duyệt, công tác nội nghiệp được tiến hành như sau:

a) Xác định khu vực, mốc giới, phạm vi thực hiện khảo sát.

b) Lập phương án khảo sát;

c) Lập lưới khống chế mặt bằng, độ cao;

d) Cách tính toán phương án đo vẽ.

5.3 Yêu cầu kỹ thuật đối với bình đồ, bản vẽ khảo sát rà quét luồng, vật chướng ngại

5.3.1 Yêu cầu kỹ thuật đối với công tác khảo sát

a) Chiều rộng khảo sát

Xác định phạm vi rà quét trên cơ sở cấp kỹ thuật đường thủy nội địa và hành lang bảo vệ luồng đường thủy nội địa:

TT	Cấp kỹ thuật	Địa danh	Chiều rộng rà quét sông $B_đ$ (m)	Chiều rộng rà quét kênh, rạch $B_đ$ (m)	Chiều rộng rà quét hồ, đầm, phá, vụng, vịnh, ven bờ biển, ra đảo, nối các đảo, cửa sông $B_đ$(m)
1	Đặc biệt		$220 \geq B_đ \geq 170$	$220 \geq B_đ \geq 170$	$220 \geq B_đ \geq 175$
2	Cấp I	Miền Bắc, Miền Trung	$170 > B_đ > 120$	$170 > B_đ > 105$	$175 > B_đ > 130$
		Miền Nam	$170 > B_đ > 155$	$170 > B_đ > 110$	$175 > B_đ > 160$
2	Cấp II	Miền Bắc,	$120 \geq B_đ > 80$	$105 \geq B_đ > 70$	$130 \geq B_đ > 90$

		Miền Trung			
		Miền Nam	155 ≥ $B_đ$ >95	110 ≥$B_đ$ >80	160≥$B_đ$ >105
3	Cấp III	Miền Bắc, Miền Trung	80 ≥ $B_đ$ >70	70 ≥ $B_đ$ >60	90 ≥$B_đ$ >80
		Miền Nam	95 ≥ $B_đ$ >80	80≥$B_đ$ >65	105≥ $B_đ$ >90
4	Cấp IV	Miền Bắc, Miền Trung	70≥$B_đ$ >50	60≥ $B_đ$ >45	80≥$B_đ$ >60
		Miền Nam	80≥ $B_đ$ >55	65≥$B_đ$ >45	90≥ $B_đ$ >65
5	Cấp V	Miền Bắc, Miền Trung	50≥$B_đ$ >40	45≥ $B_đ$ >35	60≥$B_đ$ >40
		Miền Nam	55≥ $B_đ$ >45	45 ≥$B_đ$ >35	65≥ $B_đ$ >45
6	Cấp VI	Miền Bắc, Miền Trung	40≥$B_đ$ >32	35≥ $B_đ$ >30	40 ≥ $B_đ$ >32
		Miền Nam	45 ≥ $B_đ$ >34	35 ≥$B_đ$ >30	45≥ $B_đ$ >34

Trường hợp chiều rộng sông, kênh, rạch nhỏ hơn chiều rộng rà quét ($B_đ$), chiều rộng rà quét được xác định từ mép nước với đường bờ tự nhiên trở ra phía sông, kênh, rạch.

- Chiều dài khảo sát: trong phạm vi, lý trình đường thủy nội địa được duyệt;
- Đối với các vật chướng ngại có kích thước nhỏ như cọc bê tông, cọc sắt..vv, được trích dẫn chi tiết trên bản vẽ kèm theo bình đồ;
- Đo vẽ lưới khống chế mặt bằng, độ cao trên cơ sở công tác nội nghiệp lập.

5.3.2 Yêu cầu kỹ thuật đối với công tác lập bình đồ, bản vẽ

a) Đối với sông, kênh chiều rộng Bs <100m, bình đồ khảo sát có tỷ lệ 1/1.000;

b) Đối với sông, kênh chiều rộng Bs =100m ÷300m, bình đồ khảo sát có tỷ lệ 1/2.000;

c) Đối với sông, kênh chiều rộng Bs >300m, bình đồ khảo sát tỷ lệ có 1/5.000;

d) Trên bình đồ, bản vẽ được thể hiện luồng, tim luồng đường thủy nội địa; vật chướng ngại, báo hiệu, các công trình, địa hình, địa vật đặc trưng trên đường thủy nội địa; các công trình đặc trưng và địa danh khu vực trên bờ.

5.3.3 Hệ toạ độ, cao độ trong khảo sát lập bình đồ sơ bộ là hệ toạ độ, cao độ quốc gia được dẫn về vị trí khảo sát và xây dựng các mốc dọc hai bên bờ sông tại khu vực khảo sát để phục vụ cho việc quản lý, kiểm tra luồng, vật chướng ngại.

6 Quy định kỹ thuật trong hồ sơ rà quét luồng, vật chướng ngại

6.1 Lập nhiệm vụ, phương án kỹ thuật

Nhiệm vụ, phương án kỹ thuật rà quét luồng, vật chướng ngại trình cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt, quy định theo mẫu Phụ lục A và Phụ lục B, gồm các nội dung sau:

- Mục đích, nhiệm vụ của công tác rà quét luồng, vật chướng ngại;

- Các tài liệu đã có;

- Phạm vi rà quét bao gồm: Chiều dài theo lý trình đường thủy nội địa, bề rộng sông, kênh, chiều rộng luồng, hành lang luồng đường thủy nội địa theo cấp kỹ thuật sông, kênh và địa danh;

- Hệ lưới khống chế mặt bằng (nếu có): số mốc, vị trí các mốc, cấp chính xác của công tác đo vẽ;

- Hệ lưới khống chế cao độ (nếu có): chiều dài đường đo, cấp chính xác của công tác đo vẽ;

- Công tác đo vẽ bình đồ: địa hình, địa vật cần đo vẽ, cấp chính xác của công tác đo vẽ;

- Phương pháp rà quét: Thuyết minh về phương án sử dụng thiết bị rà quét, phạm vi rà quét của thiết bị...;

- Cách thức đo vẽ, mô tả điều kiện địa hình, địa vật luồng đường thủy nội địa được rà quét;

- Phương tiện, thiết bị phục vụ rà quét luồng.

6.2 Thuyết minh thiết kế - kỹ thuật thi công

6.2.1 Xác định mực nước thiết kế (H_{tk})

Mực nước thiết kế luồng đường thủy nội địa, vật chướng ngại theo quy định tại TCVN 5664:2009 Phân cấp kỹ thuật đường thủy nội địa.

6.2.2 Thuyết minh thiết kế thi công

Thuyết minh thiết kế thi công bao gồm các nội dung sau:

a) Phạm vi rà quét luồng, vật chướng ngại: được xác định chiều dài, chiều rộng, điểm đầu, điểm cuối và lý trình tuyến luồng, vật chướng ngại rà quét;

b) Đưa ra các phương án kỹ thuật về rà quét luồng, vật chướng ngại; phân tích các yếu tố kỹ thuật, kinh tế để lựa chọn phương án tối ưu, trích dẫn các tiêu chuẩn thiết kế được áp dụng, các điều kiện về địa lý, khí tượng - thủy văn, địa hình, địa chất..vv. Phương án thiết kế tuyến rà quét xuôi theo hướng dòng chảy, đường rà kề ngau liên tiếp phải gối nhau tối thiểu 1/5 đến 1/3 chiều rộng đường rà.

c) Phương án tổ chức thi công

- Giải pháp dây chuyền công nghệ, các thông số kỹ thuật và chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cơ bản;

- Các bước triển khai thi công kèm theo tiến độ;

- Thuyết minh về phương tiện, thiết bị, nhân lực thi công;

- Phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa phục vụ thi công rà quét luồng, vật chướng ngại;

- Phương án đề xuất xử lý vật phẩm thanh thải (nếu có);

- Phương án bảo đảm môi trường, phòng chống cháy nổ (nếu có);
- Tính toán khối lượng các hạng mục.

7 Quy định về thi công rà quét luồng, vật chướng ngại

7.1 Tổ chức thi công rà quét luồng, vật chướng ngại

7.1.1 Nội dung bàn giao mặt bằng

Tổ chức bàn giao hiện trường giữa chủ đầu tư, đơn vị quản lý đường thủy nội địa khu vực với đơn vị thi công, bao gồm: kiểm tra giao mặt bằng hiện trường thi công, kiểm tra phạm vi thi công và các nội dung khác có liên quan. Trường hợp dự án, công trình trên đường thủy nội địa khi thi công hoàn thành, phải có phương án thực hiện rà quét và đăng ký với cơ quan quản lý đường thủy nội địa khu vực trước khi thi công rà quét. Kiểm tra giao tuyến gồm có các nội dung:

a) Xác định phạm vi thi công trên hiện trường đúng theo phương án được duyệt (bao gồm các điểm giới hạn của phạm vi thi công) và bàn giao cho đơn vị thi công;

b) Kiểm tra hiện trạng luồng chạy tàu trong phạm vi phục vụ thi công rà quét luồng, vật chướng ngại và bàn giao cho đơn vị thi công;

c) Kiểm tra mốc cao độ, tọa độ để bàn giao cho đơn vị thi công;

d) Sau khi tiến hành kiểm tra các nội dung trên, trong nội dung biên bản, các bên ký biên bản bàn giao mặt bằng khu vực rà quét luồng, vật chướng ngại cho đơn vị thi công, quy định theo mẫu Phụ lục C.

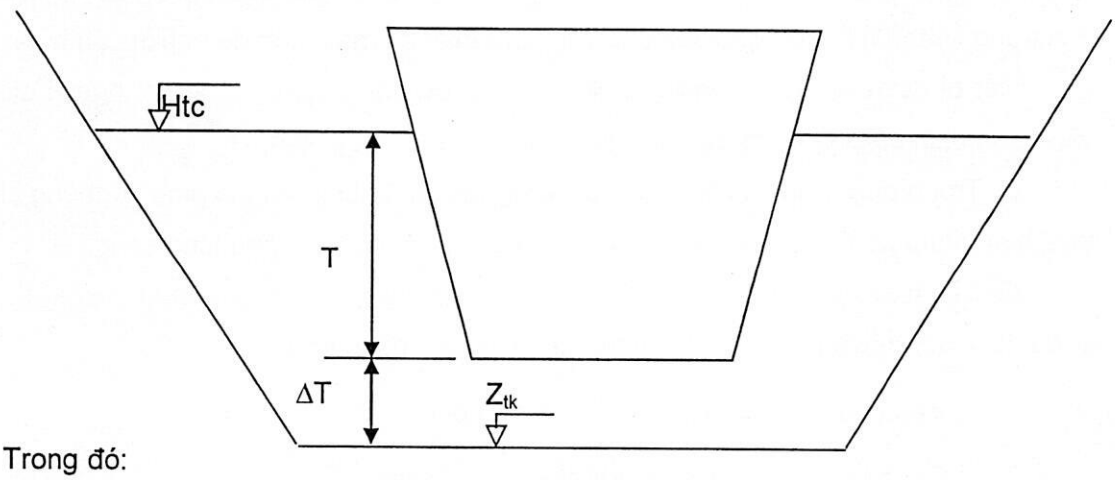
7.1.2 Công tác chuẩn bị trước khi thi công

a) Dựng mốc thủy trí: trên cơ sở bàn giao mốc, cao độ, đơn vị thi công cắm mốc thủy trí để kiểm tra, giám sát cao độ trong quá trình thi công và phục vụ nghiệm thu công trình;

b) Khi đưa phương tiện, thiết bị vào thi công rà quét luồng, vật chướng ngại phải xác định mực nước thi công. Mực nước thi công phụ thuộc vào phương tiện thiết bị thi công;

c) Mực nước thi công tối thiểu khi đưa phương tiện vào thi công được tính như sau:

$H_{tc} = T + \Delta T + Z_{tk}$.



Trong đó:

- T : chiều sâu mớn nước của phương tiện thi công;
- ΔT: chiều sâu dự phòng khi thi công được lấy bằng: (0,3÷0,5)m theo địa chất;
- Z_{tk}: Cao độ đáy luồng.

- Mực nước thi công tối đa khi thi công sử dụng cụ rà cứng được tính như sau:

$H_{tc} < Z_{tk} + h_r$

Trong đó:

- Z_{tk}: cao độ đáy luồng thiết kế
- h_r: chiều sâu tối đa thiết bị rà cứng.

- Đối với dây rà mềm hoặc thiết bị RTK, DGPS không giới hạn mực nước đo sâu.

7.1.3 Tổ chức thi công rà quét luồng, vật chướng ngại

a) Triển khai phương án bảo đảm an toàn giao thông phục vụ thi công;

b) Bố trí phương tiện, nhân lực, thiết bị đo đạc vào vị trí thi công theo phương án thi công đã được xác định cụ thể trên hiện trường;

c) Tiến hành thi công rà quét luồng, vật chướng ngại theo phương án được duyệt;

d) Ghi nhật ký hiện trường theo dõi hàng ngày công tác thi công;

e) Đối với các vật chướng ngại được phát hiện ra trong quá trình rà quét phải xác định tọa độ, kích thước, mức độ ảnh hưởng tới luồng của vật chướng ngại thể hiện trên bản vẽ, bình đồ;

f) Lập bình đồ hiện trạng thể hiện cao độ, phạm vi luồng, hành lang luồng rà quét và vật chướng ngại (nếu có) tại hiện trường thi công, sau đó được xử lý nội nghiệp.

7.2 Yêu cầu về phương tiện, thiết bị tham gia thi công rà quét luồng, vật chướng ngại

a) Phương tiện, thiết bị rà quét luồng, vật chướng ngại phải đúng theo phương án, đề cương được duyệt. Trường hợp thay đổi phương án thi công phải được sự thống nhất giữa chủ đầu tư, đơn vị thi công và được cơ quan có thẩm quyền quyết định;

b) Phương tiện, thiết bị dùng trong thi công rà quét luồng, vật chướng ngại trên đường thuỷ nội địa phải có các hồ sơ, bản hướng dẫn sử dụng, bảo quản, sổ giao ca, sổ theo dõi tình trạng kỹ thuật hàng ngày của phương tiện, thiết bị, máy móc để người vận hành phương tiện, thiết bị được an toàn; phương tiện phải được đăng ký, đăng kiểm, người điều khiển, vận hành phải có chứng chỉ chuyên môn phù hợp theo quy định;

c) Trong quá trình thi công, các phương tiện, thiết bị tham gia phải có thùng chứa chất thải, biện pháp gom chất thải, không được phép xả chất thải xuống lòng sông;

d) Các phương tiện tham gia thi công rà quét luồng, di chuyển theo hướng tuyến và vị trí đã được lập nội nghiệp và đơn vị tư vấn giám sát thống nhất.

7.3 Yêu cầu kỹ thuật trong quá trình thi công

7.3.1 Công tác chuẩn bị trước khi tổ chức thi công

7.3.1.1 Quan trắc mực nước

a) Lựa chọn vị trí quan trắc

- Hình dạng sông tương đối thẳng;
- Độ rộng mặt nước của đoạn sông không có sự thay đổi (mở rộng hoặc co hẹp) đột ngột;
- Lòng sông tương đối ổn định, ít chịu ảnh hưởng bởi các tác động xói lở, bồi tụ;
- Không có đá tảng, hoặc các công trình thuỷ có kích thước lớn;
- Không có ghềnh, thác, cây cối rậm rạp;
- Độ sâu đủ lớn để có thể quan trắc được mực nước cao nhất, thấp nhất;
- Mặt cắt ngang sông có độ dốc ngang không đáng kể;
- Tầm quan sát rộng.

b) Phương pháp quan trắc trực tiếp bằng cột thủy chí

Dựng cột thuỷ chí để kiểm tra theo dõi mực nước trong quá trình thi công. Yêu cầu kỹ thuật cột thuỷ chí:

- Cột thuỷ chí được làm bằng thép, gỗ hoặc bê tông;
- Vị trí đặt cột thuỷ chí phải ổn định, gần vị trí thi công, dễ quan trắc;
- Cột thuỷ chí được sơn, chia khoảng cách đến cm và đánh số;
- Số đánh trên cột thủy chí được đo và chuyển từ hệ cao độ nhà nước để xác định theo dõi mực nước;
- Quan trắc trực tiếp bằng thước thủy chí áp dụng trong trường hợp biên độ sóng nhỏ hơn 0,2m.

c) Phương pháp quan trắc bằng máy triều ký tự ghi được áp dụng cho mọi trường hợp.

7.3.1.2 Triển khai phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy phục vụ thi công đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận.

7.3.2 Yêu cầu kỹ thuật trong quá trình thi công

7.3.2.1 Rà quét luồng phải tuần tự thực hiện theo biện pháp kỹ thuật thi công đã được tính toán, xác định; đường rà kề nhau liên tiếp phải gối nhau tối thiểu 1/5 đến 1/3 chiều rộng đường rà.

7.3.2.2 Chiều dài đoạn rà quét: Đối với phạm vi chiều dài lớn thì cần chia nhỏ các đoạn rà quét ra cho phù hợp, đảm bảo chiều dài đoạn rà quét không lớn hơn 1.000m.

- Hồ sơ bản vẽ rà quét được lập theo bình đồ tỷ lệ thể hiện chiều rộng, cao độ đáy luồng hoặc đỉnh vật chướng ngại, các công trình trên tuyến, kiểm tra đánh giá mức độ ảnh hưởng của các công trình trên tuyến. Xác định vị trí tiềm ẩn nguy cơ gây mất an toàn giao thông đường thủy nội địa. Các đoạn tiếp theo tiếp tục thực hiện theo trình tự trên cho đến khi kết thúc phạm vi rà quét;
- Lập thuyết minh kỹ thuật kèm theo hồ sơ bản vẽ sau khi hoàn thành toàn bộ chiều dài

tuyến rà quét công trình.

7.3.2.3 Khi phát hiện các vật thể trôi, dạt trên luồng, đáy luồng, đơn vị thi công rà quét có khả năng trục vớt được thì tiến hành trục vớt, di dời các vật thể trên ra khỏi luồng đường thủy nội địa và được tập kết, xử lý tuân thủ các quy định về môi trường và quy định hiện hành.

7.3.2.4 Khi phát hiện vật chướng ngại: kết hợp các thiết bị kiểm tra, xác định kích thước cao trình, phạm vi ảnh hưởng tới luồng đường thủy nội địa của vật chướng ngại. Vị trí các vật chướng ngại phải được định vị bằng các mốc, chập tiêu và các thiết bị định vị khác.Vật chướng ngại được đánh dấu, đặt tên, thể hiện trên hồ sơ, bản vẽ rà quét luồng. Ngoài ra, phải có một hồ sơ chi tiết riêng đối với từng vật chướng ngại thể hiện vị trí, kích thước, phạm vi ảnh hưởng trên luồng, kết cấu, mức độ ảnh hưởng và các giải pháp đã thực hiện để đảm bảo an toàn giao thông đối với vật chướng ngại đó.

7.3.2.5 Đối với các vật chướng ngại xuất hiện trên luồng như các phương tiện chìm, đắm, các cọc bê tông, bãi đá... mới xuất hiện, sau khi rà quét phát hiện ra phải lập tức thông báo cho đơn vị quản lý đường thủy nội địa khu vực và bố trí các báo hiệu phù hợp để các phương tiện lưu thông qua biết, chủ động có giải pháp đảm bảo an toàn khi lưu thông qua.

7.3.2.6 Kiểm tra thường xuyên trong quá trình thi công giữa cán bộ kỹ thuật đơn vị thi công và tư vấn giám sát hoặc giám sát của chủ đầu tư.

a) Thủy chí, mực nước hàng ngày, giờ;

b) Tình hình hoạt động của phương tiện thi công;

c) Phương án, biện pháp bảo đảm an toàn giao thông;

d) Các nội dung khác có liên quan trong quá trình thi công.

7.3.2.7 Ghi chép trong quá trình thi công được thể hiện trong sổ nhật ký thi công.

7.4 Yêu cầu an toàn thi công và bảo vệ môi trường

7.4.1 Yêu cầu an toàn thi công

a) Thực hiện đúng quy trình an toàn kỹ thuật thi công cơ giới dưới nước, quy định về bảo hộ lao động đối với người và thiết bị làm việc trên công trường;

b) Triển khai phương án điều tiết khống chế đảm bảo giao thông theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Các phương tiện thiết bị thi công bố trí đủ hệ thống tín, báo hiệu. Trường hợp thay đổi phương án thi công ảnh hưởng đến biện pháp bảo đảm an toàn giao thông phải báo cáo cơ quan phê duyệt điều chỉnh cho phù hợp;

c) Bảo đảm an ninh, trật tự trên địa bàn đối với phương tiện và người tham gia thi công tại khu vực.

7.4.2 Bảo vệ môi trường

a) Các phương tiện thi công phải trang bị đủ thiết bị, thùng chứa các chất thải do hoạt động của mình gây ra như: dầu thải, nước thải bẩn; rác thải; chất thải độc hại theo quy định về môi trường;

b) Nơi xử lý vật phẩm trên luồng không được ảnh hưởng tới môi trường. Trường hợp vật phẩm có chất độc hại thì phải được thu gom, xử lý theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường;

c) Phương tiện rà quét phải tuân thủ về khói bụi môi trường, thời gian thi công, tiếng ồn tại khu vực dân cư hoặc về đêm (nếu có).

8 Quy định về giám sát thi công

8.1 Giám sát thi công rà quét luồng, vật chướng ngại

Việc giám sát thi công rà quét luồng, vật chướng ngại phải được thực hiện để theo dõi, kiểm tra về chất lượng, khối lượng, tiến độ, an toàn lao động và vệ sinh môi trường trong quá trình thi công:

a) Kiểm tra điều kiện khởi công: hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt, hợp đồng thi công và biện pháp bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công, phương tiện, thiết bị đưa vào thi công, nhân lực phục vụ thi công;

b) Giám sát trình tự thi công rà quét theo biện pháp thi công đã lập;

c) Giám sát công tác, biện pháp bảo đảm an toàn giao thông đường thủy, bảo vệ môi trường của nhà thầu thi công;

d) Ghi kết quả giám sát thi công hàng ngày vào nhật ký công trình, nhật ký giám sát;

e) Giải quyết những vấn đề vướng mắc tại hiện trường về biện pháp thi công, bảo đảm an toàn lao động, bảo vệ môi trường, những phát sinh trong quá trình thi công;

f) Tạm dừng thi công khi có yếu tố bất thường nguy cơ gây mất an toàn lao động, giao thông đường thủy nội địa hoặc nhà thầu thi công không bảo đảm chất lượng công trình theo biện pháp lập ra;

g) Thay đổi giải pháp, biện pháp phù hợp nâng cao chất lượng công trình trong quá trình giám sát;

h) Xác nhận bản vẽ hoàn công và tham gia nghiệm thu công việc, giai đoạn, công trình theo quy định.

8.2 Kiểm tra chất lượng thi công

8.2.1 Kiểm tra sự phù hợp về nhân lực, thiết bị, vật tư, yêu cầu an toàn phục vụ thi công của đơn vị thi công.

8.2.2 Công tác kiểm tra trong quá trình thi công

a) Kiểm tra mực nước thi công tại thước nước công trình so với mực nước tính toán;

b) Kiểm tra phạm vi giới hạn thi công (chiều dài, chiều rộng);

c) Kiểm tra vị trí đặt thiết bị, dụng cụ đo;

d) Kiểm tra số liệu đo tại thiết bị, dụng cụ đo;

e) Công tác an toàn phương tiện, dụng cụ, nhân lực đo; phương án thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn giao thông, thực hiện biện pháp bảo đảm môi trường trong quá trình thi công;

f) Kiểm tra ghi nhật ký máy, nhật ký thi công.

8.3 Giám sát thực hiện phương án đảm bảo giao thông

a) Theo dõi việc thực hiện phương án đảm bảo giao thông của đơn vị thi công về khối lượng, thời gian, vị trí bố trí phương tiện, nhân lực, báo hiệu điều tiết;

b) Giám sát thực hiện hướng dẫn bảo đảm an toàn giao thông đường thủy trong qua trình thi công;

c) Quá trình giám sát phương án bảo đảm giao thông được ghi chép vào sổ nhật ký thi công và thực hiện chế độ báo cáo nghiệp vụ giám sát.

9 Quy định về nghiệm thu

9.1 Nội dung nghiệm thu

9.1.1 Nghiệm thu giai đoạn thi công rà quét luồng, vật chướng ngại;

9.1.2 Nghiệm thu hoàn thành công trình rà quét luồng, vật chướng ngại vật;

9.1.3 Nghiệm thu công tác điều tiết khống chế đảm bảo giao thông.

9.2 Thành phần, trình tự và tổ chức nghiệm thu

Thành phần, trình tự và tổ chức nghiệm thu được thực hiện theo các quy định về đầu tư xây dựng cơ bản hiện hành

9.2.1 Hồ sơ nghiệm thu giai đoạn thi công rà quét luồng, vật chướng ngại:

a) Hồ sơ pháp lý liên quan;

b) Phiếu yêu cầu nghiệm thu;

c) Biên bản bàn giao mặt bằng hiện trường, các biên bản kiểm tra, xử lý, phát sinh (nếu có);

d) Hồ sơ thiết kế kỹ thuật và những sửa đổi được cấp thẩm quyền phê duyệt;

e) Số liệu khảo sát, rà quét, kiểm tra luồng;

f) Nhật ký thi công rà quét luồng, vật chướng ngại của đơn vị thi công và đơn vị giám sát;

g) Bản vẽ hoàn công.

9.2.2 Hồ sơ nghiệm thu hoàn thành công trình

Ngoài hồ sơ quy định theo Điều 9.2.1 của Tiêu chuẩn này, thành phần hồ sơ nghiệm thu hoàn thành công trình, bao gồm các nội dung sau:

a) Các biên bản nghiệm thu rà quét, kiểm tra, biên bản nghiệm thu hoàn thành giai đoạn thi công, các biên bản nghiệm thu điều tiết khống chế đảm bảo giao thông;

b) Giấy mời nghiệm thu;

c) Bản vẽ hoàn công công trình;

d) Báo cáo của Chủ đầu tư, đơn vị thi công, đơn vị tư vấn giám sát (nếu có) về thực hiện công tác quản lý chất lượng công trình trong quá trình thi công.

9.2.3 Nghiệm thu giai đoạn phải được tiến hành sau khi hoàn thành xong từng đoạn rà quét luồng. Sau khi hoàn thành toàn bộ công trình, tiến hành tổ chức nghiệm thu hoàn

thành công trình.

9.2.4 Công tác nghiệm thu phải lập biên bản quy định theo mẫu Phụ lục D, Phụ lụ E và Phụ lục F.

9.2.5 Báo cáo của Chủ đầu tư, đơn vị thi công, tổ chức tư vấn giám sát chất lượng công trình hoàn thành, quy định theo mẫu Phụ lục G, Phụ lục H và Phụ lục I.

10 Quy định kiểm tra luồng, vật chướng ngại sau khi hoàn thành bàn giao

10.1 Bàn giao luồng đường thuỷ nội địa, tọa độ, cao độ mốc cho cơ quan quản lý đường thuỷ nội địa khu vực sau khi rà quét luồng theo quy định kèm theo hồ sơ rà quét luồng.

10.2 Điều chỉnh, bổ sung báo hiệu cho phù hợp với luồng thực tế theo hồ sơ kết quả rà quét luồng, vật chướng ngại.

10.3 Kiểm tra những vị trí vật chướng ngại xuất hiện mới trên luồng, những vị trí luồng thay đổi có vật chướng ngại.

10.4 Thanh thải vật chướng ngại có ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn giao thông đường thủy nội địa.

10.5 Duy trì báo hiệu được điều chỉnh, bổ sung tại các vật chướng ngại trên luồng đường thủy nội địa.

10.6 Theo dõi, kiểm tra diễn biến luồng, vật chướng ngại trên cơ sở hồ sơ hoàn công và cập nhật số liệu khi có thay đổi.

PHẦN PHỤ LỤC

(quy định)

Mẫu trình bày tờ trình, quyết định, biên bản nghiệm thu, báo cáo

Phụ lục A: Tờ trình phê duyệt nhiệm vụ, phương án kỹ thuật và dự toán

Phụ lục B: Quyết định về việc phê duyệt nhiệm vụ, phương án kỹ thuật và dự toán

Phụ lục C: Biên bản bàn giao mặt bằng

Phụ lục D: Biên bản nghiệm thu hoàn thành công tác điều tiết khống chế đảm bảo giao thông.

Phụ lục E: Biên bản nghiệm thu hoàn thành giai đoạn thi công

Phụ lục F: Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình

Phụ lục G: Báo cáo của Chủ đầu tư

Phụ lục H: Báo cáo của nhà thầu thi công

Phụ lục I: Báo cáo của tổ chức tư vấn giám sát thi công

Phụ lục A

(quy định)

(Tên cơ quan, đơn vị đầu mối thẩm định nhiệm vụ, phương án kỹ thuật và dự toán)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số……	*……, ngày…… tháng…… năm 20……*

TỜ TRÌNH

PHÊ DUYỆT NHIỆM VỤ, PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT VÀ DỰ TOÁN CÔNG TRÌNH .....

Kính gửi : ...(*Cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư*)...

- Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

- Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 06 năm 2014;

- Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định 59/2015/NĐ-CP;

- Căn cứ Nghị định 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các liĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

- Căn cứ Thông tư số... ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ ....;

- Căn cứ *(pháp lý khác có liên quan)*.

Tên đơn vị trình *(cơ quan quyết định đầu tư)* phê duyệt nhiệm vụ, phương án kỹ thuật và dự toán công trình rà quét luồng, vật chướng ngại ..... như sau:

A.1. Tóm tắt các nội dung chủ yếu của nhiệm vụ, phương án kỹ thuật và dự toán:

A.1.1 Tên công trình:

A.1.2 Chủ đầu tư:

A.1.3 Mục tiêu đầu tư:

A.1.4 Địa điểm rà quét:

A.1.5 Tổng mức đầu tư

A.1.6 Nguồn vốn đầu tư:

A.1.7 Hình thức quản lý dự án:

A.1.8 Thời gian thực hiện dự án:

A.1.9 Các nội dung khác:

A.2 Tóm tắt ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan:

A.3 Kết luận

A.3.1 Đề nghị phê duyệt hay không phê duyệt nhiệm vụ, phương án kỹ thuật và dự toán.

A.3.2 Những kiến nghị.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu:...

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Phụ lục B

(quy định)

(Cơ quan chủ đầu tư)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số……	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	……., ngày…… tháng…… năm 20……

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt nhiệm vụ, phương án kỹ thuật và dự toán công trình rà quét luồng, vật chượng ngại ……. sông…….

TÊN CỦA THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định 59/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số... ngày … tháng … năm … của Bộ trưởng Bộ .....;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của (cơ quan phê duyệt).....;

Xét đề nghị của Trưởng phòng..... và báo cáo kết quả thẩm định công trình.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ, phương án kỹ thuật và dự toán công trình ..... với các nội dung sau:

B.1 Tên công trình:

B.2 Chủ đầu tư:

B.3 Tổ chức tư vấn lập phương án kỹ thuật và dự toán:

B.5 Mục tiêu đầu tư:

B.6 Địa điểm thi công công trình:

B.7 Phương án thi công công trình:

B.8 Tổng mức đầu tư:

B.9 Nguồn vốn đầu tư:

B.10 Hình thức quản lý dự án:

B.11 Thời gian thực hiện dự án

B.12 Hồ sơ, báo cáo thi công rà quét giao nộp

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

Điều 3. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan thi hành quyết định./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Các cơ quan có liên quan;
- Lưu:

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Phụ lục C

(quy định)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng....năm 20.....

BIÊN BẢN SỐ.....

BÀN GIAO MẶT BẰNG

CÔNG TRÌNH.....

C.1 Đối tượng nghiệm thu: *(ghi tên công việc rà quét luồng, vật chướng ngại)*

C.2 Thành phần trực tiếp nghiệm thu:

a) Chủ đầu tư: *(ghi tên tổ chức, cá nhân)*

- Họ và tên, chức vụ người đại diện theo pháp luật: .....

b) Nhà thầu thi công khảo sát: *(ghi tên tổ chức, cá nhân)*

- Họ và tên, người đại diện theo pháp luật: .....

c) Nhầu thầu giám sát khảo sát: *(ghi tên tổ chức, cá nhân)*

- Họ và tên, người đại diện theo pháp luật:.....

C.3 Thời gian và địa điểm nghiệm thu:

Bắt đầu: .....ngày.....tháng.....năm .....

Kết thúc:..... ngày.....tháng.....năm.....

Tại:.....

C.4 Căn cứ bàn giao mặt bằng:

C.5 Nội dung bàn giao:

a) Về quy mô và phạm vi rà quét luồng, vật chướng ngại *(Đối chiếu với hợp đề cương, nhiệm vụ, hợp đồng);*

b) Tọa độ, cao độ mốc bàn giao.

b) Các vấn đề khác nếu có.

C.6 Kết luận

- Chấp nhận hay không chấp nhận bàn giao mặt bằng rà quét luồng, vật chướng ngại;

- Yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh và các kiến nghị khác, nếu có.

NHÀ THẦU THỰC HIỆN
(Ký tên ghi rõ họ tên, chức vụ người đại diện theo pháp luật và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ người đại diện theo pháp luật và đóng dấu)

NHÀ THẦU GIÁM SÁT
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ người đại diện theo pháp luật và đóng dấu)

Phụ lục D

(quy định)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

BIÊN BẢN SỐ ....

NGHIỆM THU HOÀN THÀNH CÔNG TÁC ĐIỀU TIẾT KHỐNG CHẾ ĐẢM BẢO GIAO THÔNG

CÔNG TRÌNH .....

D.1 Đối tượng nghiệm thu: *(ghi rõ tên công việc được nghiệm thu và vị trí xây dựng trên công trình).*

D.2 Thành phần nghiệm thu:

a) Chủ đầu tư, người giám sát thi công của chủ đầu tư hoặc tư vấn giám sát: .....

b) Nhà thầu thi công:.....

D.3 Thời gian và địa điểm nghiệm thu:

Bắt đầu: ..... ngày.....tháng ..... năm .....

Kết thúc: ..... ngày.....tháng.....năm .....

Tại: .....

D.4 Đánh giá công việc thi công đã thực hiện:

a) Căn cứ nghiệm thu công việc rà quét luồng, vật chướng ngại:

b) Kiểm tra hiện trường

c) Về chất lượng *(đối chiếu với phương án được duyệt):*.....

d) Thời gian thực hiện điều tiết khống chế đảm bảo giao thông

- Ngày khởi công: ngày.....tháng ..... năm .....
- Ngày hoàn thành: ngày.....tháng ..... năm .....

đ) Khối lượng đã thực hiện:

D.5 Kết luận:

- Chấp nhận hay không chấp nhận nghiệm thu, cho triển khai công việc tiếp theo.
- Yêu cầu sửa chữa, hoàn thiện công việc đã thực hiện và các yêu khác nếu có.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ	**NHÀ THẦU THI CÔNG**
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)*

NHÀ THẦU GIÁM SÁT THI CÔNG
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ đóng dấu)

Phụ lục E

(quy định)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

BIÊN BẢN SỐ ....

NGHIỆM THU HOÀN THÀNH GIAI ĐOẠN THI CÔNG

CÔNG TRÌNH .....SÔNG.....

E.1 Đối tượng nghiệm thu: *(ghi rõ tên công việc được nghiệm thu và vị trí xây dựng trên công trình).*

E.2 Thành phần nghiệm thu:

a) Người giám sát thi công của chủ đầu tư hoặc tư vấn giám sát: .....

b) Người phụ trách kỹ thuật thi công của nhà thầu thi công: .....

E.3 Thời gian và địa điểm nghiệm thu:

Bắt đầu: ..... ngày.....tháng ..... năm 20..

Kết thúc: ..... ngày.....tháng.....năm 20..

Tại: .....

E.4 Đánh giá công việc thi công đã thực hiện:

a) Căn cứ nghiệm thu công việc rà quét luồng, vật chướng ngại:

- Phiếu yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu thi công.
- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt.
- Tiêu chuẩn, quy chuẩn được áp dụng.
- Tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật kèm theo hợp đồng rà quét luồng, vật chướng ngại.
- Nhật ký thi công, giám sát của chủ đầu tư và các văn bản khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu.

b) Về chất lượng thi công rà quét luồng, vật chướng ngại *(đối chiếu với phương án được duyệt và yêu cầu kỹ thuật)*

.....

.....

c) Các ý kiến khác *(nếu có)*

d) Ý kiến của người giám sát thi công công trình rà quét luồng, vật chướng ngại của chủ đầu tư về công tác nghiệm thu công việc thi công của nhà thầu.

E.5 Kết luận:

- Chấp nhận hay không chấp nhận nghiệm thu, đồng ý cho triển khai công việc tiếp theo.

- Yêu cầu sửa chữa, hoàn thiện công việc đã thực hiện và các yêu khác nếu có.

GIÁM SÁT THI CÔNG (của chủ đầu tư hoặc tư vấn giám sát) *Ký, ghi rõ họ tên chức vụ*	**KỸ THUẬT THI CÔNG TRỰC TIẾP** (Nhà thầu thi công) *Ký, ghi rõ họ tên chức vụ*

Phụ lục F

(quy định)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

BIÊN BẢN NGHIỆM THU HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH

F.1 Đối tượng nghiệm thu *(Tên hạng mục công trình hoặc công trình nghiệm thu)*

F.2 Địa điểm thi công:

F.3 Thành phần tham gia nghiệm thu:

a) Đại diện của chủ đầu tư (Tên cơ quan, đơn vị): .....

- Ghi rõ họ và tên, chức vụ từng người tham gia

.....

b) Đại diện nhà thầu thi công (Tên nhà thầu).....

- Ghi rõ họ và tên, chức vụ từng người tham gia

.....

c) Đại diện tổ chức tư vấn giám sát thi công (Tên tổ chức tư vấn): .....

- Ghi rõ họ tên, chức vụ từng người tham gia:

.....

d) Đại diện đơn vị được giao quản lý luồng tuyến (Tên đơn vị):.....

- Ghi rõ họ và tên, chức vụ từng người tham gia:

.....

F.4 Thời gian và địa điểm nghiệm thu:

Bắt đầu.....ngày..... tháng.....năm.....

Kết thúc.....ngày..... tháng.....năm.....

Tại :.....

F.5 Căn cứ nghiệm thu:

- Phiếu yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu thi công.
- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được chủ đầu tư phê duyệt.
- Tiêu chuẩn, quy chuẩn được áp dụng.
- Tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật kèm theo hợp đồng rà quét luồng, vật chướng ngại.
- Nhật ký thi công, giám sát của chủ đầu tư và các văn bản khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu.
- Biên bản bàn giao mặt bằng
- Biên bản nghiệm thu triển khai điều tiết khống chế đảm bảo giao thông.
- Các biên bản nghiệm thu nội bộ.
- Bản vẽ hoàn công công trình.

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành công tác điều tiết khống chế đảm bảo giao thông.
- Báo cáo kết quả khảo sát, rà quét.

F.6 Đánh giá về chất lượng

Hội đồng nghiệm thu lập biên bản này về những nội dung sau đây:

a) Tên công trình: *(giới thiệu chung về công trình, các thông số kỹ thuật chủ yếu).*

b) Công tác thi công: *Nêu tóm tắt quá trình thi công công trình rà quét luồng, vật chướng ngại*

.....

.....

.....

- Thời gian thực hiện: Bắt đầu:.....Kết thúc:.....
- Ngày nghiệm thu.....

c) Các bên đã xem xét hồ sơ, tài liệu sau:

- Hồ sơ, tài liệu.
- Tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng khi thi công, kiểm tra và nghiệm thu: *Nêu cụ thể tên, số hiệu tiêu chuẩn.*
- Các biên bản nghiệm thu:.....; thuỷ đạc.....
- Các tài liệu kiểm tra chất lượng, khối lượng:.....

d) Kiểm tra hiện trường:

Nêu rõ vị trí kiểm tra:

Trên cơ sở xem xét các hồ sơ, tài liệu hoàn thành công trình tại hiện trường, Hội đồng nghiệm thu xác nhận những điều sau đây:

- Thời hạn thi công xây dựng công trình:

+ Ngày khởi công:.....

+ Ngày hoàn thành:.....

- Quy mô đưa vào sử dụng công trình: .....

TT	Quy mô đưa vào sử dụng của công trình	Theo phương án đã được duyệt	Theo thực tế đạt được
1	Cấp sông		
2	Các thông số kỹ thuật chủ yếu		
3	Các vị trí vật chướng ngại		

- Chất lượng thi công so với phương án đã được duyệt:

+ Chất lượng thi công rà quét luồng, vật chướng ngại.

.....

.....

+ Vị trí vật chướng ngại

đ) Các biện pháp phòng chống cháy nổ, an toàn lao động, an toàn vận hành, bảo vệ môi trường, an toàn đê điều, an toàn giao thông *(nêu tóm tắt).*

.....

.....

.....

F.7 Kết luận:

- Chấp nhận hay không chấp nhận nghiệm thu hoàn thành công trình: .....
- Yêu cầu sửa chữa, hoàn thiện bổ sung và các ý kiến khác nếu có.

NHÀ THẦU GIÁM SÁT THI CÔNG *(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)*	**ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ** *(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)*
ĐƠN VỊ ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ LUỒNG *(ký tên, ghi rõ họ và tên, chức vụ và đóng dấu)*	**NHÀ THẦU THI CÔNG** *(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*

CHÚ THÍCH: Các phụ lục kèm theo

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành xây dựng công trình hoặc hạng mục công trình và các phụ lục kèm theo biên bản này (nếu có).
- Các tài liệu làm căn cứ để nghiệm thu.

Phụ lục G

(quy định)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng .....năm 20.....

BÁO CÁO CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

Về công tác quản lý chất lượng và chất lượng công trình xây dựng

.....(ghi tên công trình).....

Từ ngày.....tháng.....năm.....đến ngày.....tháng.....năm.....

Kính gửi: .....

G.1 Chủ đầu tư:.....

G.2 Địa điểm thi công:.....

G.3 Quy mô công trình rà quét luồng, vật chướng ngại trên đường thủy nội địa: nêu khối lượng và các thông số kỹ thuật cơ bản.

.....

.....

.....

G.4 Tên các tổ chức tư vấn giám sát thi công, nêu những phần việc do các tổ chức đó thực hiện.

.....

.....

G.5 Cơ quan thẩm định nhiệm vụ, phương án kỹ thuật và dự toán công trình *(ghi số, ngày tháng của văn bản kết quả thẩm định).*

.....

G.6 Cơ quan phê duyệt:

Quyết định phê duyệt nhiệm vụ, phương án kỹ thuật và dự toán công trình (ghi số, ngày tháng của quyết định phê duyệt

G.7 Tên đơn vị thi công những phần việc do doanh nghiệp đó thực hiện

G.8 Những sửa đổi trong quá trình thi công so với duyệt nhiệm vụ, phương án kỹ thuật được phê duyệt *(nêu những sửa đổi lớn, ý kiến của cấp có thẩm quyền về những sửa đổi đó).*

G.9 Về thời gian thi công:

- Ngày khởi công:

- Ngày hoàn thành:

G.10 Khối lượng rà quét luồng, vật chướng ngại, so sánh với khối lượng được phê duyệt đạt.....%.

G.11 Hệ thống kiểm tra, giám sát và các biện pháp bảo đảm chất lượng thi công của chủ đầu tư, tổ chức tư vấn thực hiện giám sát của chủ đầu tư, đơn vị thi công.

G.12 Công tác nghiệm thu, thành phần tham gia nghiệm thu, thời điểm nghiệm thu các công việc và nghiệm thu hoàn thành toàn bộ công trình bàn giao đưa công trình vào sử dụng.

.....

G.13 Sự cố và khiếm khuyết về chất lượng *(nếu có):* Vị trí, nguyên nhân, tình hình khắc phục.

G.14 Quy mô đưa vào sử dụng công trình: Các thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình.

.....

G.15 Kết luận về chất lượng thi công rà quét luồng, vật chướng ngại:

.....

G.16 Kiến nghị *(nếu có)*

Nơi nhận:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Phụ lục H

(quy định)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng .....năm 20.....

BÁO CÁO CỦA NHÀ THẦU THI CÔNG

Về chất lượng công trình rà quét luồng, vật chướng ngại

Từ ngày.....tháng.....năm.....đến ngày.....tháng.....năm.....

Kính gửi: .....Chủ đầu tư....

H.1 Các căn cứ pháp lý

H.2 Nhà thầu thi công:.....

H.3 Công trình:.....

H.4 Khối lượng và chất lượng thi công công trình

a) Khối lượng:.....

b) Chất lượng:.....

H.5 Quá trình thực hiện: tiến độ, tổ chức thi công và hoàn thiện toàn bộ công trình.

a) Tổ chức thi công:.....

b) Tiến độ:.....

H.6 Công tác quản lý chất lượng và các biện pháp bảo đảm chất lượng công trình:

.....

.....

.....

.....

H.7 Kết luận và kiến nghị

.....

.....

Nơi nhận:

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Phụ lục I

(quy định)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

BÁO CÁO CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN GIÁM SÁT THI CÔNG

Về chất lượng công trình rà quét luồng, vật chướng ngại

Từ ngày.....tháng.....năm.....đến ngày.....tháng.....năm.....

Kính gửi:.....

I.1 Căn cứ pháp lý.....

I.2 Tổ chức tư vấn giám sát thi công.....

I.3 Công trình:.....

I.4 Giai đoạn nghiệm thu: Hoàn thành công trình bàn giao đưa vào sử dụng.

I.5 Công tác quản lý chất lượng thi công rà quét luồng, vật chướng ngại:

.....

.....

I.6 Các tiêu chuẩn sử dụng để nghiệm thu công trình:

.....

.....

I.7 Nhận xét về chất lượng công tác thi công.

.....

.....

I.8 Kết luận và đề nghị nghiệm thu công tác rà quét luồng, vật chướng ngại.

.....

.....

Nơi nhận:

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN GIÁM SÁT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)